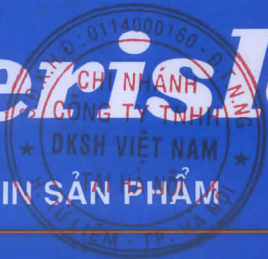


# Merislon®



## THÔNG TIN SẢN PHẨM

### THÀNH PHẦN:

Mỗi viên nén chứa 12 mg betahistine mesilate.

### Chỉ định:

Chóng mặt và choáng váng liên quan đến những bệnh sau:

- Bệnh Meniere
- Hội chứng Meniere
- Chóng mặt ngoại biên

### CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Bệnh nhân có tiền sử quá mẫn cảm đối với bất kỳ thành phần nào của MERISLON, bệnh nhân u tế bào ưa crom.

### LIỀU VÀ CÁCH DÙNG:

Liều thông thường đối với người lớn là uống 6-12 mg betahistine mesilate, 3 lần/ ngày sau bữa ăn. Liều có thể được điều chỉnh tùy theo tuổi và các triệu chứng của bệnh nhân.

### ĐƯỢC LÝ HỌC

#### 1. Cải thiện các rối loạn tuần hoàn tai trong

Ở tai trong chuột lang bị gây rối loạn vi tuần hoàn bằng thực nghiệm, lưu lượng máu tăng đến 148% so với mức kiểm soát trong vòng 30 phút sau khi tiêm betahistine mesilate vào màng bụng. Tác dụng này đặc hiệu đối với các tình trạng bệnh lý.

#### 2. Tăng lưu lượng máu ở ống xoắn giữa của chuột lang bị tích nội dịch bạch huyết

Khi dùng betahistine mesilate cho chuột lang bị tích nội dịch bạch huyết đã tạo ra sự tăng đáng kể lưu lượng máu ở ống xoắn giữa. Lưu lượng máu tăng đáng kể từ 5,5 mL/phút/100g đến 8,1 mL/phút/100g. Sự tăng lưu lượng máu được cho là do giãn cơ trơn động mạch quay ốc tai.

#### 3. Cải thiện lưu lượng máu não

Trong một thử nghiệm ở khỉ rhesus, betahistine mesilate tiêm tĩnh mạch gây tăng lưu lượng máu trong mô não từ 70,4 đến 81,4 mL/100g/phút và trong mô tiểu não từ 73,2 đến 84,0 mL/100g/phút.

### LÝ HÓA HỌC

#### Tên thông thường:

Betahistine Mesilate (Tên được chấp nhận ở Nhật)

Betahistine (Tên chung quốc tế)

#### Tên hóa học:

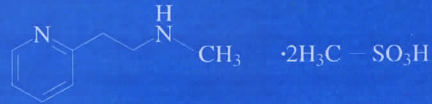
N-Methyl-N-[2-(pyridin-2-yl) ethyl]amine dimethanesulfonate

#### Công thức phân tử:

C<sub>8</sub>H<sub>12</sub>N<sub>2</sub> · 2CH<sub>3</sub>O<sub>3</sub>S

Trọng lượng phân tử: 328,41

### Công thức cấu tạo:



### Mô tả:

Betahistine mesilate có dạng tinh thể trắng hoặc bột tinh thể, không mùi hoặc mùi nhẹ đặc trưng, vị đắng, tan hoàn toàn trong nước, tan tự do trong methanol và acid acetic (100), tan nhẹ trong ethanol (99,5), tan rất ít trong acetic anhydride và thực chất không tan trong diethyl ether. Betahistine mesilate hút ẩm.

### TƯƠNG TÁC THUỐC:

Chưa có báo cáo nào ghi nhận viên nén Merislon có tương tác với thuốc khác. Về mặt lý thuyết, tác dụng của Betahistine bị đối kháng bởi các thuốc kháng histamin.

### TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Hiếm khi xảy ra các tác dụng không mong muốn sau:

- a) Tiêu hóa: Buồn nôn hoặc nôn.
- b) Quá mẫn: Phản ứng quá mẫn như phát ban da.

### THẬN TRỌNG:

- Dùng thuốc thận trọng đối với những trường hợp sau:

- Bệnh nhân có tiền sử loét dạ dày hoặc loét đường tiêu hóa tiến triển.
- Bệnh nhân hen phế quản.
- Bệnh nhân u tủy thượng thận.

### Sử dụng cho người cao tuổi:

Vì bệnh nhân cao tuổi thường có sự suy giảm chức năng sinh lý, nên sử dụng các biện pháp như giảm liều với sự giám sát chặt chẽ.

### Sử dụng cho phụ nữ có thai hoặc nghi ngờ có thai, sinh đẻ hay cho con bú:

MERISLON chỉ nên sử dụng cho phụ nữ có thai hoặc nghi ngờ có thai nếu lợi ích dự tính của việc dùng thuốc lớn hơn so với nguy cơ có thể xảy ra. (Độ an toàn của MERISLON ở phụ nữ có thai chưa được xác định).

Chưa biết liệu Betahistine có được bài tiết qua sữa mẹ hay không, nên cân nhắc giữa lợi ích của việc sử dụng MERISLON ở phụ nữ cho con bú với nguy cơ có thể xảy ra cho trẻ.

### Sử dụng cho trẻ em:

Độ an toàn đối với trẻ em chưa được xác định (thiếu dữ liệu lâm sàng).

### Tác động khi lái xe và vận hành máy móc:

Dựa trên các đặc tính về dược lực học và các báo cáo về phản ứng phụ, không chắc là MERISLON làm suy giảm khả năng lái xe hoặc khả năng sử dụng máy móc.

Tài liệu tham khảo: 1. Thông tin kê toa.



Nhà sản xuất:  
**Eisai Co., Ltd.**  
4-6-10 Koishikawa, Bunkyo-ku  
Tokyo Japan

Công ty phân phối **VIMEDIMEX Bình Dương**  
18L 1-2 VSIP II, Đường số 3, KCN Việt Nam - Singapore 2  
Thủ Dầu Một, Bình Dương



Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:

Lầu 2, Tòa nhà Etown.2  
364 Cộng Hòa, P.13, Quận Tân Bình, TP.HCM  
Tel: (84.8) 3812 5848 - Fax: (84.8) 3812 5840